

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington, Quận _____

In re:

Về việc:

Petitioner/s (as listed on the Petition):
(Các) Nguyên Đơn (như được liệt kê trong
Đơn Xin):

And Respondent/s (as listed on the Petition):
Và (Các) Bị Đơn (như được liệt kê trong
Đơn Xin):

No. _____
Không.

**Order on Adequate Cause to Change a
Parenting/Custody Order**

(ORRACG / ORRACD / ORH: see 6)

Án Lệnh về Nguyên Nhân Chính Đáng để Thay Đổi Án Lệnh Nuôi Con/Giám Hộ

(ORRACG / ORRACD / ORH: xem 6)

**Order on Adequate Cause to Change a Parenting/Custody
Order**

**Án Lệnh về Nguyên Nhân Chính Đáng để Thay Đổi Án Lệnh
Nuôi Con/Giám Hộ**

1. The (check one): Petitioner Respondent made a *Motion for Adequate Cause Decision* and the court finds there is reason to approve this order. (Check one):
(Đánh dấu chọn một): Nguyên Đơn Bị Đơn đã tạo một *Thỉnh Nguyên Thư về Quyết Định Nguyên Nhân Chính Đáng* và tòa nhận thấy có lý do để chấp thuận án lệnh này.
(Đánh dấu chọn một):
- An adequate cause hearing was held.
Một phiên điều trần về nguyên nhân chính đáng đã được tổ chức.
- The parties agree there is adequate cause (valid reasons) for the case to move forward, or any party not in agreement has been defaulted.
Các đương đơn đồng ý rằng có nguyên nhân chính đáng (các lý do hợp lý) để cho vụ kiện được tiếp tục, hoặc bất kỳ đương đơn nào mà không đồng ý đã bị xử vắng mặt.

➤ **The Court Finds:**
Tòa Phán:

2. Jurisdiction
Thẩm quyền

- This court has jurisdiction over this case.
Tòa này có thẩm quyền đối với vụ kiện này.
- The parenting order was made by a Washington court, and the court still has authority to make orders for the children.
Án lệnh nuôi con đã được lập bởi một tòa án Washington, và tòa vẫn có quyền hạn để thực hiện các án lệnh cho những đứa con.
- The parenting/custody order was **not** made by a Washington court, and
Án lệnh nuôi con/giám hộ đã **không** được lập bởi một tòa án Washington, và
- A court in the state (or tribe) that made the parenting order has made another order saying that it no longer has jurisdiction **or** that it is better to have this case decided in Washington;
Một tòa tại tiểu bang (hoặc bộ tộc) mà đã thực thi án lệnh nuôi dạy con đã thực thi một án lệnh khác tuyên bố rằng họ không còn thẩm quyền **hoặc** rằng sẽ tốt hơn nếu vụ kiện này được quyết định tại Washington;
- No child, parent or person acting as a parent lives in the state (or tribal reservation) that made the order anymore.
Không có đứa trẻ, phụ huynh, hoặc người đóng vai trò như phụ huynh nào mà sống tại tiểu bang (hoặc biệt khu bộ tộc) đã thực hiện án lệnh.
- The parenting /custody order was **not** made by a Washington court, and a Washington court can make decisions because the children are in this state now **and** were abandoned here **or** need emergency protection because the children (or the children's parent, brother or sister) were abused or threatened with abuse.
Án lệnh nuôi dạy con/giám hộ đã **không** được thực hiện bởi một tòa án Washington, và một tòa án Washington có thể quyết định bởi vì những đứa trẻ hiện đang ở trong tiểu bang này **và** đã bị bỏ rơi tại đây **hoặc** cần sự bảo vệ trong trường hợp khẩn cấp bởi vì những đứa trẻ (hoặc cha/mẹ, anh hoặc chị của những đứa trẻ) đã bị ngược đãi hoặc bị đe dọa ngược đãi.
- This order expires on (date): _____, unless the other state declines jurisdiction or this court enters an order extending emergency jurisdiction.
Án lệnh này hết hạn vào (ngày): _____, trừ khi tiểu bang khác từ chối thẩm quyền hoặc tòa này ghi nhập một án lệnh gia hạn thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp.
- This court does **not** have jurisdiction over this case.
Tòa này **không** có thẩm quyền đối với vụ kiện này.

3. Timing of Adequate Cause Decision
Định Thời Gian Ra Quyết Định Nguyên Nhân Chính Đáng

- The court **cannot** decide adequate cause yet because:
Tòa **không thể** quyết định nguyên nhân chính đáng bởi vì:

the deadline for filing a *Response* to the *Petition* has not passed.
hạn chót nộp một *Bản Trả Lời Đơn Xin* chưa qua.

other (*specify*): _____
khác (*ghi rõ*):

The court **can** decide adequate cause because:
Tòa **có thể** quyết định nguyên nhân chính đáng bởi vì:

the deadline for filing a *Response* to the *Petition* has passed.
hạn chót nộp một *Bản Trả Lời Đơn Xin* đã qua.

the motion was made by the party responding to the *Petition*.
thỉnh nguyện thư đã được thực hiện bởi bên trả lời *Đơn Xin*.

other (*specify*): _____
khác (*ghi rõ*):

4. Adequate Cause
Nguyên Nhân Chính Đáng

There is **not** adequate cause (valid reasons) to hold a full hearing or trial about the *Petition*. The *Petition* should be dismissed.
Không có nguyên nhân chính đáng (lý do hợp lý) để tổ chức một phiên điều trần hoặc xét xử về *Đơn Xin*. *Đơn Xin* phải bị bãi bỏ.

There **is** adequate cause (valid reasons) to hold a full hearing or trial about the *Petition*.
Có nguyên nhân chính đáng (lý do hợp lý) để tổ chức một phiên điều trần hoặc xét xử về *Đơn Xin*.

The parties **agree** that there is adequate cause (valid reasons).
Các bên **đồng ý** rằng có nguyên nhân xác đáng (lý do hợp lý).

5. Other Findings (if any)
Các Phán Quyết Khác (nếu có)

➤ **The Court Orders:**
Tòa Ra Lệnh:

6. Decision
Quyết Định

No Adequate Cause – The *Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order* is dismissed.

Không Có Nguyên Nhân Chính Đáng – Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ bị bãi bỏ.

Adequate Cause Found –
Nguyên Nhân Chính Đáng Đã Được Tìm Thấy –

The *Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order* will move on to a full hearing or trial. The hearing or trial will take place
(check one):

Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ sẽ chuyển sang một phiên điều trần hoặc phiên xử chính thức. Phiên điều trần hoặc phiên xét xử sẽ diễn ra
(đánh dấu chọn một):

at a later date to be set by the court.
vào một ngày sau do tòa đặt.

on (date): _____ at (time): _____ [] a.m. [] p.m.
vào (ngày): vào lúc (giờ): sáng/chiều
in (Court, Room/Dept.): _____
tại (Tòa, Phòng/Bộ Phận): _____

on the date set by the case scheduling order made when the *Petition* was filed.
vào ngày được đặt theo án lệnh lập biểu cho vụ kiện được thực hiện khi Đơn Xin đã được nộp.

No further hearing or trial date is needed because the court is signing the *Final Order and Findings on Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order*, and any other final orders today by agreement or default.

Không có phiên điều trần hoặc phiên xét xử thêm nào được cần đến bởi vì tòa đang ký **Án Lệnh Chính Thức và Phán Quyết về Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ**, và bất kỳ án lệnh chính thức nào khác hôm nay theo thỏa thuận hoặc khiếm diện.

7. Other orders (if any)
Các án lệnh khác (nếu có)

Ordered.
Được lệnh.

Date
Ngày

Judge or Commissioner
Quan Tòa hay Ủy Viên

Petitioner and Respondent or their lawyers fill out below.

Nguyên Đơn và Bị Đơn hoặc các luật sư của họ điền bên dưới.

This document (*check any that apply*):

Văn kiện này (*đánh dấu bất kỳ ô nào thích hợp*):

is an agreement of the parties

là một thỏa thuận của các bên

is presented by me

do tôi đại diện

may be signed by the court without notice to me
có thể do tòa ký mà không cần thông báo cho tôi

This document (*check any that apply*):

Văn kiện này (*đánh dấu bất kỳ ô nào thích hợp*):

is an agreement of the parties

là một thỏa thuận của các bên

is presented by me

do tôi đại diện

may be signed by the court without notice to me
có thể do tòa ký mà không cần thông báo cho tôi

▶ _____
Petitioner signs here or lawyer signs here WSBA #
Nguyên Đơn ký tại đây **hoặc** luật sư ký tại đây WSBA #

▶ _____
Respondent signs here or lawyer signs here WSBA #
Bị Đơn ký tại đây **hoặc** luật sư ký tại đây WSBA #

Print Name
Viết chữ in họ và tên

Date
Ngày

Print Name
Viết chữ in họ và tên

Date
Ngày